TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST
Ngày 26/02/2026
Về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thị Mỹ Hằng.

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Sùng A Sa – Ông Đinh Xuân Thủy

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lã Thu Quỳnh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/01/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2026 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lò Thị P – Sinh năm: 2000
Nơi ĐKHKTT: Bản P, xã B, tỉnh Lai Châu *(có đơn xin xét xử vắng mặt).*
2. *Bị đơn:* Anh Lò Văn S - Sinh năm: 1998
Nơi ĐKHKTT: Bản P, xã B, tỉnh Lai Châu *(vắng mặt không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại tòa án, nguyên đơn chị Lò Thị P trình bày:

Chị và anh Lò Văn S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (cũ) vào ngày 05/9/2018, được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương. Cuộc sống vợ chồng sau kết hôn hạnh phúc được hơn 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S nghiện chất ma túy, không tu chí

làm ăn từ đó hai vợ chồng không hợp nhau hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, khiến cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc và không thể kéo dài thêm được nữa. Sau khi xảy ra mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã tự tìm cách khắc phục và được hai bên gia đình, người thân động viên hòa giải nhưng cũng không có kết quả gì. Anh S không chịu thay đổi. Chị P và anh S cũng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 04 năm 2021 cho đến nay. Vì vậy chị làm đơn này đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lò Văn S.

Về con chung: Chị và anh Lò Văn S có một con chung tên là Lò Thị Ngọc K, sinh ngày 30/5/2018. Từ khi vợ chồng anh chị không chung sống cùng nhau thì cháu K ở với chị, do chị chăm sóc và nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn với anh Lò Văn S, chị có nguyện vọng được trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lò Thị Ngọc K cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị P không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S.

Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng anh chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn anh Lò Văn S: từ khi thụ lý vụ án cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay, bị đơn Lò Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ do chị P giao nộp và Tòa án thu thập có đủ cơ sở để khẳng định việc chị P giao nộp và cung cấp cho Tòa án địa chỉ của bị đơn Lò Văn S là đúng và đảm bảo.

Như vậy, Tòa án đã làm đầy đủ những thủ tục mà tố tụng dân sự quy định đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Lò Văn S nhưng anh S không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để tham gia tố tụng. Tòa án nhân dân khu vực 2 – Lai Châu đã xác minh tại địa phương nơi anh S đăng ký hộ khẩu thường trú: Tại thời điểm thụ lý và giải quyết vụ án anh S vẫn có hộ khẩu thường trú tại địa phương, chưa chuyển khẩu hoặc tách khẩu, chuyển, xuất nhập cảnh đi ra nước ngoài. Đồng thời, thông qua mẹ đẻ của anh S là bà Lò Thị S1 cũng khẳng định: Anh Lò Văn S là con trai của bà, hiện anh S làm nghề lao động tự do làm ở Quảng Ninh, vẫn liên lạc về nhà qua điện thoại, hoặc có khi cũng về nhà, bà có thông báo cho anh S biết về việc chị P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh không về được và không có ý kiến gì. Do vậy, nên trong hồ sơ vụ án không thể hiện lời khai của anh Lò Văn S.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt, chị P vẫn giữ nguyên các nội dung đã yêu cầu; anh S mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của chị P, tóm tắt nội dung vụ án và các

tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận về những vấn đề cần giải quyết trong vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lai Châu phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước khi mở phiên tòa: bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn không có mặt tại phiên tòa, phiên tòa vẫn tiến hành xét xử theo các điều 227; 228; 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình 2014; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật tố tụng hành chính; Luật tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Lò Thị P được ly hôn với anh Lò Văn S.

Về con chung: Giao cho chị Lò Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò Thị Ngọc K, sinh ngày 30/5/2018 cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị P không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh S nên không phải giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị và anh Lò Văn S tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Án phí: chị Lò Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Lò Thị P yêu cầu ly hôn anh Lò Văn S là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án quy định tại khoản 1 điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Lò Văn S cư trú tại bản P, xã B có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền nên theo điều 35 và điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản

2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật tố tụng hành chính; Luật tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lai Châu.

Nguyên đơn chị Lò Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lò Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng từ thụ lý đến khi vụ án được đưa ra xét xử nhưng anh S không có mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227; Điều 228; Điều 238 – Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn S tự nguyện tìm hiểu xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T (cũ), tỉnh Lai Châu vào ngày 05/9/2018, đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được hơn một năm sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S nghiện chất ma túy, không tu chí làm ăn từ đó hai vợ chồng không hợp nhau hay xảy ra cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh lên làm việc nhưng anh S không có mặt để tham gia tố tụng, cho thấy anh S không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ xây dựng gia đình với chị P. Hai vợ chồng anh chị không còn chung sống với nhau từ năm 2021 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 56 – Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn S có 01 con chung là cháu Lò Thị Ngọc K, sinh ngày 30/5/2018, Hội đồng xét xử thấy rằng: đối với cháu K quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành lấy lời khai của cháu theo quy định, cháu có nguyện vọng ở với chị Lò Thị P. Hiện tại cháu K đang ở cùng chị P, được chị P chăm sóc nuôi dưỡng, học tập hàng ngày. Đối với anh S, quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn S đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng anh S cố tình không hợp tác để thực hiện quyền của mình; hơn nữa, bản thân anh S thường xuyên đi làm ăn xa, không có điều kiện để chăm sóc và giáo dục cháu. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích, tránh đảo lộn sinh hoạt, con chung lại là con gái nên cần sự chăm sóc của người mẹ, Hội đồng xét xử thấy việc giao con chung cho chị P trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 81 – Luật hôn nhân gia đình. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung, chị P không đặt ra nên không phải xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Chị Lò Thị P và anh Lò Văn S tự thỏa thuận và không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lò Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 143, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 266, Điều 267; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật tố tụng hành chính; Luật tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại Toà án;

- Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Các Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lò Thị P.

Xử cho chị Lò Thị P được ly hôn với anh Lò Văn S.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị Lò Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu Lò Thị Ngọc K, sinh ngày 30/5/2018 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động hoặc có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lò Thị P không có yêu cầu nên không phải giải quyết.

Anh Lò Văn S có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với chị P. Chị Lò Thị P có quyền yêu cầu anh S cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: chị Lò Thị P và anh Lò Văn S tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn chị Lò Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Xác nhận chị P đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số: 0000270 ngày 10/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND khu vực 2 - Lai Châu;
- Thi hành án tỉnh Lai Châu;
- Các đương sự;
- UBND xã Bản Bo, Lai Châu;
- Công bố trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Mỹ Hằng

THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Việt Hà **Hoàng Thị Luyến** **Lương Thị Mỹ Hằng**